



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: **Marketing quốc tế**

Ngành: Marketing

Lớp: 121MR1

Giờ thi: 13h30

Khóa: 08 (2012 - 2014)

Ngày thi: 15/05/2014

Thi lần: 1

Học kỳ: II

Năm học: 2013 - 2014

Phòng thi: A 3.1

TT	Mã HS	Họ & Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình					Số tờ	Thí sinh (Ký tên)	Điểm thi HP		Ghi chú
				HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bảng số	Bảng chữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	121MR1171	Nguyễn Hòa An	22/04/1992	8		8		8.0		<i>nhuan</i>	8	Tám	
2	121MR1174	Vũ Tiến Ch�c	21/01/1992	7		8		7.7		Vũ Tiến			
3	121MR1180	Nguyễn Quốc Duy	15/04/1987	7		7		7.0		<i>Quoc</i>	7	bảy	
4	121MR1181	Huỳnh Thị Ngọc Giàu	01/01/1993	7		7		7.0		<i>ngc</i>	7	bảy	K4 nđ 1m
5	121MR1182	Trần Thị Thu Hà	20/12/1993	7		8		7.7		<i>Thu</i>	7	bảy	
6	121MR1183	Phan Thanh Hải	24/10/1987	7		7		7.0		<i>Phan</i>	7	bảy	
7	121MR1184	Võ Duy Hải	15/04/1994	7		7		7.0		<i>duy</i>	7	bảy	
8	121MR1185	Hoàng Thị Ngọc Hạnh	16/12/1990	8		8		8.0		<i>Hanh</i>	8	Tám	
9	121MR1189	Phạm Văn Hoàng	25/01/1993	7		7		7.0		<i>Pham</i>	6	Sáu	
10	121MR1190	Nguyễn Thị Cẩm Hương	12/02/1993	8		7		7.3		<i>A</i>	7	bảy	
11	121MR1191	Đinh Thị Kim Hương	14/08/1992	8		7		7.3		Văn Hương			
12	121MR1193	Trần Duy Khánh	02/07/1993	7		7		7.0		<i>Khac</i>	5	Năm	K3, 4 THCB, ĐVCB KTM.
13	121MR1194	Nguyễn Thanh Kiệt	09/07/1994	7		7		7.0		<i>Kiet</i>	6	Sáu	K4 nđ 300
14	121MR1195	Trần Kim Lã	10/08/1991	7		7		7.0		<i>Lã</i>	6	Sáu	
15	121MR1199	Mai Thị Tiểu Mi	17/04/1994	7		7		7.0		<i>Mi</i>	7	bảy	
16	121MR1200	Đỗ Thị Ngộ	02/10/1994	8		8		8.0		<i>ngc</i>	7	bảy	
17	121MR1201	Hoàng Thị Nguyên	04/06/1993	7		7		7.0		<i>Nguyen</i>	7	bảy	
18	121MR1205	Trần Phúc	11/08/1994	7		7		7.0		<i>Phuc</i>	5	Năm	
19	121MR1207	Lê Thị Hoài Phương	14/09/1994	8		8		8.0		<i>Phuong</i>	7	bảy	
20	121MR1208	Phạm Ngọc Sanh	25/05/1989	8		8		8.0		<i>Sanh</i>	7	bảy	

TT	Mã HS	Họ & Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình					Số tờ	Thí sinh (Ký tên)	Điểm thi HP		Ghi chú
				HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bảng số	Bảng chữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
21	121MR1209	Nguyễn Ngọc Sơn	20/08/1994	7		7		7.0		<i>Sơn</i>	6	Sơn	KTVM
22	121MR1211	Mạc Thị Xuân	02/01/1994	7		7		7.0		<i>Thu</i>	7	bảy	
23	121MR1214	Phan Thị Tiêm	12/04/1994	8		8		8.0		<i>Thư</i>	7	bảy	
24	121MR1215	Cao Thị Trâm	20/07/1994	8		8		8.0		<i>Trâm</i>	7	bảy	
25	121MR1216	Trần Ngọc Trân	24/10/1991	7		7		7.0		<i>Trân</i>	7	bảy	
26	121MR1217	Trần Thị Trang	09/04/1994	8		7		7.3		<i>Trang</i>	7	bảy	
27	121MR1220	Tô Hoàng Trục	11/04/1992	7		7		7.0		<i>Trục</i>	6	Sáu	KTVM nđ 300
28	121MR1221	Nguyễn Văn Trùng	11/07/1990	7		7		7.0		<i>Trùng</i>	8	Tám	
29	121MR1222	Hoàng Ngọc Tú	13/12/1994	7		7		7.0		<i>Tú</i>	6	AVCB + XT Sáu	K4 nđ 600K
30	121MR1223	Nguyễn Thị Thu Tuyết	28/02/1993	8		7		7.3		<i>Thu</i>	7	bảy	
31	121MR1230	Trần Thị Huyền	10/09/1992	7		7		7.0		<i>Trần</i>	7	bảy	K4 nđ 1000K
32	121MR2284	Đinh Văn Nam	12/07/1994	7		7		7.0		<i>Nam</i>	7	bảy	

Tổng số: 32 thí sinh.

PHÒNG ĐÀO TẠO

(Signature)

Nguyễn Thị Như Quỳnh

- + Số thí sinh có mặt: 30.....
- + Số thí sinh vắng mặt: 02.....
- + Số bài thi: 30.....
- + Số tờ giấy thi: 30.....

Ghi chú:

- + Thí sinh vắng thi thì CB coi thi gạch từ cột (1) đến cột (10); cột (11) ghi chữ "vắng"; gạch tiếp từ cột (12) đến cột (14).
- + Ngay sau khi nhận kết quả chấm thi từ giáo viên, phòng Đào tạo photo Danh sách r chuyển cho CB ghi Sổ đăng ký học sinh.
- * Ngày giao - nhận:
- * Người giao (Ký, họ tên) :
- * Người nhận (Ký, họ tên) :

Tp.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG 6/5/2014



ThS Nguyễn Việt Dũng

Cán bộ coi thi 1
(Ký & ghi họ tên)

Cán bộ coi thi 2
(Ký & ghi họ tên)

Giáo viên chấm thi 1
(Ký & ghi họ tên)

Giáo viên chấm thi 2
(Ký & ghi họ tên)

(Signatures of examiners and teachers)